



Dấu ấn Phật giáo trong văn hóa và tư tưởng nhân loại

ISSN: 2734-9195

12:37 19/07/2026

Nhiệm vụ quan trọng của Phật giáo trong thời đại ngày nay là vừa bảo tồn những giá trị cốt lõi, vừa tìm kiếm ngôn ngữ và phương thức thực hành phù hợp với con người hiện đại

Dẫn nhập

Nhân loại đang bước vào một thời đại có nhiều biến chuyển sâu sắc. Khủng hoảng môi trường, sự suy giảm đời sống tinh thần, tình trạng quá tải thông tin, những xung đột về văn hóa, tôn giáo và lợi ích chính trị đang đặt con người trước nhiều câu hỏi lớn về ý nghĩa của sự sống, trách nhiệm đạo đức và khả năng cùng nhau kiến tạo một thế giới hòa bình.

Quan sát những biến động đang diễn ra trong xã hội hiện đại, có thể nhận thấy rằng nguyên nhân sâu xa của nhiều xung đột không chỉ bắt nguồn từ những khác biệt bên ngoài, mà còn khởi phát từ những mâu thuẫn nội tâm: lòng tham không được kiểm soát, sự giận dữ, nỗi sợ hãi, thành kiến, vô minh và khuynh hướng tuyệt đối hóa cái tôi. Khi những xung đột bên trong con người không được nhận diện và chuyển hóa, chúng dễ dàng biểu hiện thành bất hòa trong gia đình, đối kháng trong xã hội và bạo lực giữa các cộng đồng, quốc gia hay nền văn minh.

Trong bối cảnh đó, việc suy xét lại các giá trị tinh thần, đạo đức và những hệ tư tưởng có ảnh hưởng đến quá trình hình thành nhân cách trở thành một yêu cầu cấp thiết. Con người hiện đại, dù đang thụ hưởng những thành tựu vượt bậc của khoa học và công nghệ, vẫn có nhu cầu trở về với các truyền thống trí tuệ từng hướng dẫn nhân loại sống hài hòa với chính mình, với cộng đồng và với thế giới tự nhiên.

Sự quan tâm ngày càng gia tăng đối với Phật giáo vì thế không phải là một hiện tượng ngẫu nhiên. Nhiều vấn đề của xã hội hiện đại đã được phản ánh và phân tích từ rất sớm trong những nguyên lý căn bản của Phật giáo, từ triết học, tâm lý học, đạo đức học cho đến đời sống tâm linh và phương pháp thực hành.

Thông qua việc nhận diện khổ đau, truy tìm nguyên nhân của khổ đau và chỉ bày con đường chuyển hóa, Phật giáo không chỉ hướng con người đến sự giải thoát mà còn góp phần xây dựng một đời sống tỉnh thức, có trách nhiệm và giàu lòng từ bi.

Hình thành tại Ấn Độ cách đây hơn 2.500 năm, Phật giáo từng giữ vị trí quan trọng trong đời sống tư tưởng và văn hóa của nhiều khu vực châu Á. Trải qua quá trình truyền bá lâu dài, Phật giáo đã để lại dấu ấn sâu sắc trong triết học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, giáo dục, y học, đạo đức xã hội và lối sống của nhiều quốc gia, dân tộc.

Phật giáo vì vậy không chỉ được nhìn nhận như một tôn giáo theo nghĩa thông thường. Đó còn là một hệ thống tư tưởng, một con đường thực hành, một nền văn hóa và một phương thức sống đặt nền tảng trên trí tuệ, lòng từ bi, tinh thần bất bạo động và khả năng tự chuyển hóa của mỗi con người.

Bài viết này khảo sát nền tảng văn hóa và tư tưởng của Phật giáo; nhận diện ảnh hưởng của Phật giáo với tư cách một tôn giáo có tầm vóc thế giới; đồng thời phân tích dấu ấn của Phật giáo trong nghệ thuật, đời sống văn hóa và tư tưởng nhân loại. Qua đó, bài viết cũng đề cập đến vị trí của Phật giáo trong thời đại toàn cầu hóa, khả năng đối thoại liên tôn và những đóng góp của giáo lý đức Phật đối với việc ngăn ngừa xung đột, cực đoan và khủng hoảng tinh thần trong xã hội hiện đại.

1. Nền tảng văn hóa và tư tưởng của Phật giáo

2. Bối cảnh lịch sử và sự ra đời của Phật giáo

Sự hình thành Phật giáo là một trong những chủ đề được nghiên cứu tương đối sâu rộng trong lịch sử tư tưởng và tôn giáo Ấn Độ. Phật giáo ra đời vào khoảng giữa thiên niên kỷ thứ nhất trước Tây lịch tại khu vực Đông Bắc tiểu lục địa Ấn Độ, nơi từng tồn tại những quốc gia cổ đại như Ma-kiệt-đà, Kiều-tát-la và liên minh bộ tộc Licchavi (McGovern, 2018).

Đây là giai đoạn xã hội Ấn Độ diễn ra nhiều biến đổi quan trọng. Các đô thị bắt đầu phát triển, hoạt động thương mại được mở rộng, những vương quốc lớn dần hình thành và trật tự xã hội truyền thống đứng trước nhiều thử thách. Cùng với những thay đổi về kinh tế và chính trị, đời sống tinh thần cũng xuất hiện nhu cầu tìm kiếm những con đường tư tưởng mới.

Tôn giáo Vệ-đà cổ đại khi ấy đặt nặng vai trò của nghi lễ hiến tế và quyền uy của tầng lớp Bà-la-môn. Những người bảo vệ và duy trì hệ thống này chủ yếu là giới tăng lữ Bà-la-môn, những người nắm giữ quyền giải thích kinh điển và tổ

chức các nghi thức tế tự (McGovern, 2018).

Tuy nhiên, một bộ phận xã hội ngày càng cảm thấy không thỏa mãn trước một đời sống tôn giáo quá chú trọng nghi thức bên ngoài, trong khi những vấn đề căn bản của con người như sinh, già, bệnh, chết, bất công, lo âu và khổ đau vẫn chưa được giải đáp thỏa đáng.

Những mâu thuẫn giữa tầng lớp Bà-la-môn, đại diện cho quyền uy tôn giáo, và tầng lớp Sát-đế-lợi, đại diện cho quyền lực thế tục, cũng góp phần làm lung lay các khuôn mẫu xã hội vốn tồn tại lâu đời. Trong hoàn cảnh ấy, nhiều người bắt đầu hoài nghi những luật lệ và quan niệm bị xem là cứng nhắc, lỗi thời hoặc không còn đáp ứng được những nhu cầu tinh thần mới.

Từ đó, các phong trào sa-môn xuất hiện và phát triển mạnh mẽ. Đây là những cộng đồng gồm các nhà tư tưởng, đạo sĩ du phương và người thực hành khổ hạnh, không tuyệt đối thừa nhận quyền uy của truyền thống Vệ-đà. Họ rời bỏ đời sống gia đình, tự mình tìm kiếm chân lý thông qua thiền định, tư duy triết học, kỷ luật đạo đức và nhiều phương pháp tu tập khác nhau.

Chính trong môi trường tư tưởng phong phú ấy, Phật giáo ra đời. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, trước khi thành đạo, cũng từng là một vị sa-môn đi tìm con đường giải thoát khỏi khổ đau. Tuy nhiên, Ngài không hoàn toàn chấp nhận chủ nghĩa hưởng thụ, cũng không tán thành lối khổ hạnh ép xác cực đoan. Con đường do Ngài khám phá được gọi là Trung đạo - con đường vượt lên trên hai thái cực ấy để hướng đến trí tuệ, tỉnh thức và giải thoát.

2. Đức Phật Thích-ca Mâu-ni và hành trình tìm cầu giác ngộ

Theo truyền thống Phật giáo, Đức Phật Thích-ca Mâu-ni có thể danh là Siddhārtha Gautama, phiên âm Hán-Việt là Tất-đạt-đa Cồ-đàm. Tên Siddhārtha thường được giải thích với ý nghĩa là “người thành tựu mục đích” hoặc “người có mục đích được hoàn thành” (Batchelor, 2017, tr. 14).

Ngài sinh trưởng trong dòng họ Thích-ca và được nuôi dưỡng trong điều kiện tương đối sung túc. Tuy nhiên, cuộc sống đầy đủ về vật chất không thể che khuất những vấn đề căn bản của kiếp người.

Theo các truyện tích Phật giáo, sau khi chứng kiến những hiện tượng của tuổi già, bệnh tật, cái chết và hình ảnh một vị sa-môn thanh thản, Thái tử Tất-đạt-đa nhận thức sâu sắc về tính mong manh của đời sống. Ngài nhận ra rằng quyền lực, tài sản và lạc thú thế gian không thể giúp con người thoát khỏi những quy luật tất yếu của sinh, già, bệnh và chết.

Từ nhận thức ấy, Ngài quyết định từ bỏ đời sống thế tục, lên đường tìm kiếm con đường chấm dứt khổ đau. Ngài từng theo học với những vị đạo sư nổi tiếng đương thời, thực hành thiền định và trải qua nhiều năm khổ hạnh nghiêm khắc. Tuy nhiên, sau khi nhận thấy việc hành xác không đưa đến trí tuệ và giải thoát, Ngài từ bỏ con đường cực đoan này và lựa chọn Trung đạo.

Sau một thời gian thiền định sâu sắc dưới cội bồ-đề tại Bồ-đề Đạo tràng, Ngài thành tựu giác ngộ, thấu hiểu bản chất của khổ đau, nguyên nhân phát sinh khổ đau, khả năng chấm dứt khổ đau và con đường đưa đến sự chấm dứt ấy. Những nội dung này được hệ thống hóa thành Tứ diệu đế, tức bốn chân lý cao quý, nền tảng của toàn bộ giáo lý Phật giáo (Batchelor, 2017).

Sau khi giác ngộ, đức Phật không giữ sự chứng nghiệm cho riêng mình. Ngài bắt đầu thuyết giảng, xây dựng Tăng đoàn và dành phần lớn quãng đời còn lại để hướng dẫn mọi tầng lớp trong xã hội. Trong khoảng bốn mươi lăm năm hoằng hóa, Ngài đi qua nhiều vùng đất của Ấn Độ cổ đại, giảng dạy cho vua chúa, thương nhân, trí thức, nông dân, người nghèo và cả những người từng bị xã hội xem thường.

Giáo pháp của đức Phật không dựa trên sự phân biệt nguồn gốc hay đẳng cấp. Khả năng tu tập và giác ngộ được mở ra cho tất cả mọi người, miễn là họ có ý chí học hỏi, sống đạo đức và thực hành con đường chuyển hóa.

3. Những nguyên lý căn bản trong thế giới quan Phật giáo

Phật giáo hình thành trong không gian tư tưởng Ấn Độ cổ đại nên có sự đối thoại với nhiều quan niệm đã tồn tại trước đó, như nghiệp, tái sinh và luân hồi. Tuy nhiên, Phật giáo không tiếp nhận những quan niệm này một cách nguyên trạng mà diễn giải chúng theo một hệ thống nhận thức và thực hành riêng.

Trong giáo lý Phật giáo, luân hồi không phải là một tiến trình đáng được duy trì vĩnh viễn. Đó là vòng vận hành của sinh tử, được tiếp nối bởi vô minh, tham ái và nghiệp. Mục đích của con đường tu tập là nhận diện cơ chế tạo thành khổ đau, chuyển hóa những nguyên nhân trói buộc con người và cuối cùng vượt thoát khỏi vòng luân hồi ấy (Paul, 2020).

Trong các hình thức hiện hữu, được sinh làm người được xem là một cơ hội đặc biệt quý báu. Con người vừa có khả năng nhận thức khổ đau, vừa có đủ điều kiện để tu tập, chuyển hóa và phát triển trí tuệ. Chính trong đời sống con người, tiến trình hướng đến giác ngộ và Niết-bàn có thể được thực hiện một cách trọn vẹn.

Niết-bàn không nên được hiểu đơn giản như một địa điểm hay một thế giới tồn tại sau khi chết. Trong tư tưởng Phật giáo, Niết-bàn là trạng thái dập tắt tham, sân và si; là sự giải thoát khỏi những nguyên nhân tạo thành khổ đau và khỏi sự ràng buộc của sinh tử luân hồi (Wu, 2017).

Phật giáo nhấn mạnh vai trò chủ động của con người trong tiến trình giải thoát. Không một quyền lực bên ngoài nào có thể thay thế hoàn toàn sự nỗ lực tu tập, quán chiếu và chuyển hóa của mỗi cá nhân. Đức Phật là bậc đã giác ngộ và chỉ bày con đường, nhưng mỗi người phải tự mình bước đi trên con đường ấy.

Tinh thần này được thể hiện trong quan niệm rằng con người là chủ nhân của hành động và là người thừa tự những hệ quả do hành động của mình tạo nên. Nghiệp trong Phật giáo không phải là một định mệnh bất biến, mà là tiến trình nhân quả có thể được chuyển hóa bằng nhận thức đúng đắn, đời sống đạo đức và sự thực hành kiên trì.

Phật giáo đôi khi được gọi là một “tôn giáo không đặt Thượng đế sáng tạo ở vị trí trung tâm”. Cách gọi này có thể giúp phân biệt Phật giáo với các truyền thống hữu thần, nhưng cần được hiểu thận trọng. Đức Phật không dành trọng tâm giáo pháp để xác quyết hay phủ nhận một đấng sáng tạo tuyệt đối. Mối quan tâm chính của Ngài là thực trạng khổ đau của con người và con đường đưa đến sự giải thoát.

Trong thế giới quan Phật giáo, các vị trời hay những dạng tồn tại siêu nhiên, nếu được thừa nhận, vẫn thuộc về vòng sinh tử và chịu sự chi phối của nghiệp. Vì vậy, việc nương tựa vào thần linh không thể thay thế cho tiến trình tu tập và tự chuyển hóa.

Giá trị phổ quát của Phật giáo còn thể hiện ở quan niệm rằng khả năng giác ngộ không bị quyết định bởi huyết thống, địa vị, tài sản hay đẳng cấp. Mọi người đều có thể bước vào con đường tu học nếu biết nuôi dưỡng giới hạnh, thiền định và trí tuệ.

4. Sự hình thành và phát triển của các truyền thống Phật giáo

Sau khi đức Phật nhập Niết-bàn, giáo pháp được các thế hệ đệ tử ghi nhớ, truyền tụng và hệ thống hóa. Cùng với sự mở rộng của cộng đồng Phật giáo, những cách diễn giải khác nhau dần xuất hiện. Các kỳ kết tập kinh điển được tổ chức nhằm tụng đọc, xác định và bảo tồn những lời dạy được cộng đồng thừa nhận.

Trong giới học giả và các trung tâm tu viện, tư tưởng Phật giáo ngày càng được phát triển sâu rộng. Nhiều hệ thống triết học, tâm lý học và phương pháp tu tập

được hình thành nhằm giải thích bản chất của nhận thức, sự tồn tại, nghiệp, giải thoát và con đường giác ngộ (Batchelor, 2017).

Song song với quá trình phát triển học thuật, Phật giáo khi đi vào đời sống quần chúng cũng thích nghi với phong tục, ngôn ngữ, tín ngưỡng và điều kiện xã hội tại từng khu vực. Nhờ đó, giáo lý có thể bén rễ trong những cộng đồng văn hóa rất khác nhau.

Trong những thế kỷ đầu, nhiều bộ phái Phật giáo đã hình thành. Truyền thống thường gọi đây là các bộ phái Phật giáo thời kỳ đầu hay các trường phái Nikāya. Từ tiến trình phát triển lâu dài ấy, nhiều truyền thống lớn được lưu truyền đến ngày nay.

Có thể nhận diện ba không gian truyền thừa chính.

Thứ nhất là Phật giáo Theravāda, còn gọi là Phật giáo Thượng tọa bộ, phổ biến tại Sri Lanka và nhiều quốc gia Đông Nam Á như Thái Lan, Myanmar, Campuchia và Lào.

Thứ hai là Phật giáo Đại thừa Đông Á, phát triển mạnh tại Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên và Nhật Bản. Thứ ba là truyền thống Kim cương thừa, đặc biệt gắn với Phật giáo Tây Tạng, Mông Cổ và một số khu vực thuộc vùng Himalaya.

Thuật ngữ “Tiểu thừa” hay Hinayāna từng xuất hiện trong một số văn bản Đại thừa để chỉ những khuynh hướng tu tập bị xem là chỉ chú trọng giải thoát cá nhân. Tuy nhiên, thuật ngữ này mang sắc thái đánh giá và không nên dùng để đồng nhất với Phật giáo Theravāda. Trong nghiên cứu hiện đại, việc gọi đúng tên từng truyền thống sẽ khách quan và tôn trọng hơn.

Mặc dù có sự khác biệt về kinh điển, nghi lễ và phương pháp thực hành, các truyền thống Phật giáo đều chia sẻ nhiều nền tảng chung: Tứ diệu đế, nghiệp và nhân quả, duyên khởi, vô thường, con đường đạo đức, thiền định, trí tuệ và mục tiêu giải thoát khỏi khổ đau.

Sự đa dạng ấy cho thấy khả năng thích nghi đặc biệt của Phật giáo. Giáo pháp có thể được trình bày bằng nhiều ngôn ngữ và hình thức văn hóa khác nhau mà vẫn duy trì những nguyên lý cốt lõi.

1. Sự truyền bá của Phật giáo trên thế giới

2. Con đường hoàng truyền giáo pháp

Phật giáo không hình thành một tổ chức truyền giáo tập trung theo mô hình của một số tôn giáo khác. Tuy nhiên, giáo pháp của đức Phật vẫn được truyền bá

rộng khắp tiểu lục địa Ấn Độ, sau đó lan tỏa đến Trung Á, Đông Á, Đông Nam Á và nhiều khu vực khác.

Ngay từ buổi đầu, đức Phật đã khuyến khích các đệ tử lên đường hoằng pháp vì lợi ích và an lạc của số đông. Các vị tỳ-kheo đi đến nhiều nơi để giảng giải giáo pháp, hướng dẫn đời sống đạo đức và chia sẻ những phương pháp tu tập mà chính họ đã trải nghiệm.

Mục đích của việc truyền bá không phải là lên án hay cưỡng bức người khác từ bỏ truyền thống tín ngưỡng của mình. Trọng tâm của giáo pháp là giúp con người nhận diện khổ đau, hiểu rõ nguyên nhân của khổ đau và khám phá khả năng chuyển hóa bằng trí tuệ cùng sự thực hành (Shulman, 2017).

Nhờ tinh thần tương đối cởi mở ấy, Phật giáo có thể đối thoại với nhiều truyền thống bản địa. Tại mỗi nền văn hóa mới, phương pháp và phong cách thực hành được điều chỉnh để phù hợp với tâm thức, ngôn ngữ và đặc điểm xã hội của cộng đồng tiếp nhận. Dù hình thức biểu hiện có thể thay đổi, những giá trị căn bản như trí tuệ, từ bi, giới hạnh và bất bạo động vẫn được duy trì.

2. Vai trò của thương nhân, tăng sĩ và các bậc quân vương

Một trong những con đường quan trọng đưa Phật giáo vượt khỏi biên giới Ấn Độ là hoạt động giao thương. Khi các thương nhân Phật giáo đến cư trú hoặc buôn bán tại những vùng đất mới, họ mang theo tín ngưỡng, phong tục và các biểu tượng tôn giáo của mình.

Sự tiếp xúc lâu dài giữa thương nhân với cư dân bản địa làm nảy sinh nhu cầu tìm hiểu giáo lý. Các tăng sĩ dần được mời đến để giảng dạy, thành lập tu viện và hướng dẫn thực hành. Theo Winter (2020), phương thức truyền bá này diễn ra rõ rệt tại nhiều quốc gia nằm dọc theo Con đường Tơ lụa trong những thế kỷ trước và sau đầu Tây lịch.

Các tu viện Phật giáo trên tuyến thương mại không chỉ là nơi sinh hoạt tôn giáo mà còn có thể trở thành điểm dừng chân, trung tâm học thuật và không gian giao lưu văn hóa. Nhờ đó, Phật giáo góp phần kết nối các cộng đồng có ngôn ngữ, phong tục và truyền thống khác nhau.

Một trường hợp tiếp biến văn hóa tiêu biểu được ghi nhận tại Gandhāra, khu vực thuộc Pakistan và Afghanistan ngày nay. Sau các cuộc chinh phục và giao lưu giữa thế giới Hy Lạp với Trung Á và Ấn Độ, nghệ thuật cùng tư tưởng của các cộng đồng khác nhau đã gặp gỡ. Từ đó, một nền nghệ thuật Phật giáo đặc sắc mang ảnh hưởng Hy Lạp hóa được hình thành.

Bên cạnh thương nhân và tăng sĩ, sự bảo trợ của các bậc quân vương cũng có vai trò rất quan trọng. Vào thế kỷ III trước Tây lịch, dưới triều đại Hoàng đế A Dục, tức Ashoka, Phật giáo được truyền bá rộng rãi trên nhiều vùng thuộc tiểu lục địa Ấn Độ.

Sau những kinh nghiệm đau thương của chiến tranh, vua A Dục hướng đến việc cai trị bằng đạo đức, lòng khoan dung và tinh thần tôn trọng sự sống. Các sắc lệnh của ông được khắc trên trụ đá và vách đá tại nhiều nơi, khuyến khích thần dân thực hành hiếu kính, tiết chế, khoan dung tôn giáo và đối xử nhân ái với con người cũng như muôn loài (Van, 2019).

Nhà vua không chỉ bảo trợ Tăng đoàn trong nước mà còn cử các phái đoàn đến nhiều vùng xa xôi. Truyền thống Phật giáo Sri Lanka ghi nhận vai trò của những phái đoàn liên hệ với triều đình vua Devanampiya Tissa, qua đó góp phần đưa Phật giáo bén rễ vững chắc trên đảo quốc này.

Sự bảo trợ của quân vương tạo điều kiện xây dựng tự viện, phiên dịch kinh điển và đào tạo tăng sĩ. Tuy nhiên, lịch sử cũng cho thấy khi tôn giáo gắn quá chặt với quyền lực chính trị, giáo pháp có thể bị sử dụng như công cụ củng cố quyền lực hoặc tạo ra sự phân biệt đối với những cộng đồng khác.

Vì vậy, cần phân biệt tinh thần khoan dung và tự nguyện trong giáo lý Phật giáo với những hành động chuyên chế của một số nhà cầm quyền từng nhân danh tôn giáo. Những hành động cưỡng bức hoặc đàn áp, nếu xảy ra, chủ yếu phản ánh động cơ chính trị và hoàn cảnh lịch sử hơn là bản chất của giáo pháp.

3. Tiến trình tiếp biến văn hóa và bản địa hóa Phật giáo

Phật giáo không xây dựng một hệ thống phẩm trật duy nhất cho toàn thế giới với một vị lãnh đạo tối cao có thẩm quyền đối với tất cả các cộng đồng. Mỗi quốc gia và truyền thống hình thành cơ cấu tổ chức, phương thức tu tập và hệ thống lãnh đạo tinh thần riêng (Batchelor, 2017).

Đặc điểm này giúp Phật giáo có khả năng thích ứng tương đối linh hoạt. Khi truyền đến Trung Quốc, Phật giáo đối thoại với Nho giáo và Đạo giáo; khi đến Tây Tạng, Phật giáo tiếp xúc với các tín ngưỡng bản địa; tại Nhật Bản, Phật giáo cùng tồn tại và tương tác với Thần đạo; tại Việt Nam, Phật giáo hòa nhập với tín ngưỡng dân gian, đạo lý thờ kính tổ tiên và truyền thống yêu nước, hộ quốc an dân.

Quá trình bản địa hóa không chỉ làm thay đổi hình thức bên ngoài mà còn góp phần tạo nên những trường phái tư tưởng mới. Thiền tông tại Đông Á, Tịnh độ tông, Hoa nghiêm, Thiên Thai, Phật giáo Mật tông và nhiều truyền thống khác là

kết quả của sự tiếp nhận sáng tạo trên nền tảng văn hóa địa phương.

Tuy nhiên, thích nghi không đồng nghĩa với hòa tan. Một truyền thống chỉ có thể duy trì sức sống lâu dài khi biết kết hợp tính linh hoạt của hình thức với sự bền vững của những giá trị cốt lõi. Trong trường hợp Phật giáo, các giá trị ấy bao gồm trí tuệ, từ bi, giới hạnh, tinh thần tự giác, duyên khởi và con đường giải thoát khỏi khổ đau.

III. Đặc trưng của Phật giáo và những định kiến thường gặp

1. Tính phổ quát và tính bản địa

Một trong những đặc trưng nổi bật của Phật giáo là sự kết hợp giữa tính phổ quát của một tôn giáo thế giới và tính bản địa của từng cộng đồng văn hóa.

Ở bình diện phổ quát, những truyền thống lớn như Theravāda, Đại thừa và Kim cương thừa được truyền bá qua nhiều quốc gia, tạo nên các cộng đồng Phật tử vượt khỏi giới hạn của một dân tộc riêng biệt.

Ở bình diện bản địa, Phật giáo tại mỗi quốc gia lại mang những đặc điểm riêng trong kiến trúc, nghi lễ, âm nhạc, ngôn ngữ, tổ chức tự viện và đời sống tín ngưỡng. Những hình thức ấy nhiều khi trở thành một bộ phận quan trọng trong căn tính văn hóa dân tộc (Van, 2019).

Khả năng dung hợp và thích nghi giúp Phật giáo tồn tại trong nhiều môi trường xã hội khác nhau. Tuy nhiên, tính linh hoạt này cũng đặt ra thách thức: làm thế nào để thích nghi mà không đánh mất bản chất; làm thế nào để hội nhập mà không biến giáo pháp thành một tập hợp nghi lễ hoặc biểu tượng thiếu chiều sâu tu chứng.

2. Phật giáo trước vấn đề hòa bình, bạo lực và chính trị

Một định kiến khá phổ biến cho rằng Phật giáo là một tôn giáo hoàn toàn không có xung đột và mọi xã hội Phật giáo đều tuyệt đối hòa bình. Hình ảnh này một phần được hình thành trong diễn ngôn phương Tây hiện đại, khi Phật giáo được đặt trong thế đối lập với lịch sử chiến tranh và xung đột của các truyền thống tôn giáo khác (Wu, 2017).

Giáo lý Phật giáo quả thực đề cao lòng từ bi, tinh thần bất hại, sự tiết chế sân hận và việc không tước đoạt mạng sống. Tuy nhiên, các xã hội có truyền thống Phật giáo vẫn là những xã hội của con người, vì thế không hoàn toàn tránh khỏi chiến tranh, tranh chấp quyền lực, chủ nghĩa dân tộc hay xung đột sắc tộc.

Cần phân biệt giữa giáo lý Phật giáo với hành động của những cá nhân hoặc cộng đồng tự nhận là Phật tử. Khi con người bị chi phối bởi tham vọng chính trị, thành kiến và sợ hãi, họ có thể sử dụng biểu tượng tôn giáo để hợp thức hóa những mục tiêu không phù hợp với tinh thần giáo pháp.

Một định kiến khác cho rằng Phật giáo chỉ đề cao sự thoát ly, không quan tâm đến đời sống xã hội và chính trị. Nhận định này chưa phản ánh đầy đủ lịch sử phát triển của Phật giáo.

Trong nhiều giai đoạn, tăng sĩ và cư sĩ Phật giáo đã tham gia giáo dục, y tế, cứu trợ, hòa giải, bảo vệ văn hóa dân tộc và xây dựng đời sống đạo đức. Tại nhiều quốc gia, tinh thần nhập thế của Phật giáo được thể hiện qua lý tưởng phụng sự chúng sinh, hộ quốc an dân và đem lòng từ bi vào những vấn đề cụ thể của xã hội.

Phật giáo không nhất thiết đứng ngoài cuộc đời. Điều giáo pháp cảnh báo là sự dính mắc, thù hận và chấp thủ trong quá trình hành động. Một người có thể tích cực phụng sự xã hội nhưng vẫn giữ tâm tĩnh thức, không để lòng sân hận biến lý tưởng tốt đẹp thành phương tiện gây tổn thương.

3. Khả năng thích ứng trong những hoàn cảnh lịch sử khác nhau

Lịch sử Phật giáo cho thấy đây là một truyền thống có khả năng thích nghi đáng kể với sự thay đổi của xã hội. Phật giáo có thể phát triển trong các vương quốc cổ đại, các đế chế, xã hội nông nghiệp, đô thị thương mại và cả những quốc gia hiện đại.

Tuy nhiên, khả năng thích nghi không đồng nghĩa với việc Phật giáo hoàn toàn đứng ngoài quyền lực thế tục. Trong một số giai đoạn, tôn giáo và chính trị từng có quan hệ mật thiết. Sự bảo trợ của nhà nước giúp Phật giáo phát triển, nhưng cũng có thể làm phát sinh nguy cơ lệ thuộc vào quyền lực.

Trong chiều sâu giáo lý, những hình ảnh như “chiến thắng ma quân”, “điều phục phiền não” hay “dũng mãnh tinh tấn” thường mang ý nghĩa biểu tượng. Đối tượng cần chinh phục không phải là một cộng đồng khác, mà chính là tham lam, sân hận, vô minh và những khuynh hướng bất thiện trong nội tâm.

Phật giáo không xây dựng một học thuyết “thánh chiến” theo nghĩa sử dụng bạo lực để tiêu diệt người khác tín ngưỡng và mở rộng tôn giáo bằng cưỡng bức. Tuy vậy, lịch sử nhắc nhở rằng không một cộng đồng tôn giáo nào hoàn toàn miễn nhiễm trước sự thao túng của chủ nghĩa dân tộc, quyền lực và tâm lý đám đông.

Vì thế, việc trở về với tinh thần tự quán xét, bất hại và từ bi là điều cần thiết để ngăn ngừa tôn giáo bị biến thành công cụ của đối kháng.

1. Sự phát triển của Phật giáo tại Tây Tạng và một số khu vực châu Á

Tây Tạng là một trong những khu vực mà Phật giáo Đại thừa và Kim cương thừa phát triển thành một hệ thống văn hóa, triết học và tu tập đặc sắc.

Phật giáo được truyền vào Tây Tạng rõ nét từ khoảng thế kỷ VII, trong bối cảnh vương quốc Tây Tạng mở rộng quan hệ với các quốc gia và trung tâm văn hóa lân cận như Ấn Độ, Nepal và Trung Quốc (Van, 2019).

Trong giai đoạn đầu, Phật giáo chủ yếu được triều đình bảo trợ và chưa lập tức thâm nhập sâu rộng vào đời sống quần chúng. Người dân địa phương vẫn duy trì nhiều tín ngưỡng bản địa và nghi lễ truyền thống.

Qua nhiều thế kỷ, các học giả, dịch giả và hành giả từ Ấn Độ cùng các vùng lân cận đã đến Tây Tạng. Một khối lượng lớn kinh điển được chuyển dịch sang tiếng Tây Tạng, nhiều tu viện được thành lập và hệ thống giáo dục Phật học dần được xây dựng.

Phật giáo Tây Tạng tiếp nhận triết học Đại thừa, lý tưởng Bồ-tát và những phương pháp tu tập Mật thừa. Đồng thời, truyền thống này cũng thích nghi với văn hóa địa phương, tạo thành những hình thức nghi lễ, nghệ thuật, y học và tổ chức tu viện mang bản sắc riêng.

Quá trình truyền bá không phải lúc nào cũng liên tục. Phật giáo Tây Tạng từng trải qua các giai đoạn phát triển, suy giảm và phục hưng. Từ khoảng thế kỷ X và XI, một thời kỳ truyền bá mới diễn ra, tạo điều kiện cho sự hình thành nhiều tông phái lớn.

Tương tự Tây Tạng, tại Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản và Đông Nam Á, Phật giáo đều trải qua những tiến trình tiếp nhận và chuyển hóa lâu dài. Mỗi khu vực xây dựng một diện mạo riêng, nhưng vẫn duy trì mối liên hệ với nguồn mạch giáo pháp khởi nguyên tại Ấn Độ.

Sự phát triển ấy cho thấy Phật giáo không tồn tại như một khối đồng nhất bất biến. Đó là một truyền thống sống động, vừa bảo tồn di sản, vừa liên tục đối thoại với hoàn cảnh lịch sử và văn hóa của từng dân tộc.

1. Những biểu hiện của văn hóa và nghệ thuật Phật giáo

2. Kiến trúc và không gian thờ tự

Cùng với sự phát triển của cộng đồng Phật giáo, hoạt động xây dựng các công trình tôn giáo cũng ngày càng mở rộng. Những bảo tháp, tự viện, hang động, giảng đường và trung tâm tu học được hình thành tại nhiều khu vực.

Tại Ấn Độ và Nepal, những địa điểm gắn với cuộc đời đức Phật như Lâm-tỳ-ni, Bồ-đề Đạo tràng, Lộc Uyển và Câu-thi-na vẫn được gìn giữ như các thánh tích quan trọng. Đây không chỉ là nơi hành hương mà còn là không gian lưu giữ ký ức lịch sử và tinh thần của cộng đồng Phật giáo thế giới.

Bảo tháp ban đầu được xây dựng để tôn trí xá-lợi và tưởng niệm đức Phật hoặc các bậc Thánh tăng. Theo thời gian, hình thức kiến trúc này phát triển đa dạng, từ stūpa tại Ấn Độ, dagoba tại Sri Lanka, chùa tháp ở Đông Á cho đến chorten tại Tây Tạng.

Tại mỗi quốc gia, kiến trúc Phật giáo được sáng tạo bằng vật liệu và kỹ thuật bản địa. Tuy nhiên, không gian chùa viện nhìn chung vẫn hướng đến sự thanh tịnh, trang nghiêm và khả năng nâng đỡ đời sống tu học.

Chùa không chỉ là nơi thờ tự. Trong nhiều xã hội truyền thống, đó còn là trung tâm giáo dục, văn hóa, từ thiện và sinh hoạt cộng đồng. Nhiều tác phẩm văn học, thư pháp, hội họa, điêu khắc và âm nhạc được sáng tạo, lưu giữ hoặc truyền dạy trong không gian tự viện.

2. Sự hình thành nghệ thuật tạo tượng đức Phật

Nghệ thuật Phật giáo thời kỳ đầu thường không trực tiếp khắc họa dung mạo đức Phật. Sự hiện diện của Ngài được biểu trưng bằng những hình ảnh như bánh xe pháp, cây bồ-đề, dấu chân, gai trống hoặc bảo tháp.

Những biểu tượng này vừa thể hiện lòng tôn kính, vừa gợi nhắc rằng đức Phật đã vượt khỏi những giới hạn của sự hiện hữu thông thường. Hình tượng không nhằm mô tả một cá nhân theo lối chân dung mà hướng người chiêm ngưỡng đến giáo pháp và sự giác ngộ.

Khoảng những thế kỷ đầu Tây lịch, hình tượng đức Phật bắt đầu được thể hiện rõ ràng trong điêu khắc và hội họa, đặc biệt tại các trung tâm nghệ thuật Gandhāra và Mathurā.

Nghệ thuật Gandhāra chịu ảnh hưởng của truyền thống Hy Lạp hóa. Hình tượng đức Phật thường có y phục với những nếp gấp rõ nét, đường nét cơ thể cân đối và gương mặt mang vẻ trầm tư. Trong khi đó, nghệ thuật Mathurā phát triển trên nền tảng tạo hình bản địa Ấn Độ, nhấn mạnh sức sống nội tâm và thần thái giác ngộ.

Từ những trung tâm này, nhiều quy chuẩn tạo tượng dần được hình thành. Ba hình thức tiêu biểu là đức Phật ngồi, đức Phật đứng và đức Phật nằm trong tư thế nhập Niết-bàn.

Hình tượng đức Phật ngồi thường gắn với thiền định, thuyết pháp hoặc thời khắc giác ngộ. Hình tượng đức Phật đứng hay bước đi biểu trưng cho sự hiện diện của bậc Đạo sư giữa cuộc đời, đem giáo pháp đến với chúng sinh. Hình tượng đức Phật nằm nghiêng thể hiện thời khắc nhập Đại Niết-bàn, nhắc nhở về vô thường và sự giải thoát viên mãn.

Các thủ ấn, tư thế, pháp phục, tòa sen và hào quang đều mang ý nghĩa biểu tượng. Người nghệ nhân không chỉ tạo nên một hình thể đẹp mà còn chuyển tải trạng thái an nhiên, trí tuệ và lòng từ bi.

3. Dấu ấn Phật giáo trong đời sống văn hóa các dân tộc

Từ khoảng thế kỷ II Tây lịch, nghệ thuật Phật giáo tại Ấn Độ có nhiều biến đổi. Hình tượng đức Phật ngày càng được tôn kính trong các nghi lễ và không gian thờ tự. Nhiều đại tự viện được xây dựng, hoạt động hành hương phát triển và các hình thức lễ hội trở nên phong phú hơn (Van, 2019).

Khi Phật giáo truyền đến Trung Quốc, Việt Nam, Triều Tiên, Nhật Bản, Indonesia, Mông Cổ và nhiều khu vực khác, nghệ thuật Phật giáo tiếp tục được bản địa hóa.

Tại Trung Quốc, tượng Phật mang những đường nét phù hợp với quan niệm thẩm mỹ Đông Á. Tại Nhật Bản, kiến trúc chùa và nghệ thuật vườn thiền thể hiện sự thanh tĩnh, giản dị và tinh tế. Tại Đông Nam Á, các bảo tháp và tượng Phật mang vẻ đẹp uy nghi, mềm mại, gắn với khí hậu và vật liệu địa phương.

Ở Việt Nam, dấu ấn Phật giáo hiện diện trong kiến trúc chùa tháp, tượng pháp, chuông đồng, bia đá, văn học thiền, lễ hội, tín ngưỡng dân gian và đạo lý sống của cộng đồng. Những tư tưởng như từ bi, nhân quả, vô thường, bao dung và cứu khổ đã đi vào ngôn ngữ, ca dao, tục ngữ và tâm thức dân tộc.

Nghệ thuật Phật giáo không chỉ nhằm thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ. Đó còn là phương tiện giáo hóa, giúp con người tiếp cận những chân lý sâu xa thông qua hình ảnh, âm thanh, không gian và cảm xúc.

1. Phật giáo trong thế giới hiện đại

2. Vị thế của Phật giáo trong đời sống tôn giáo đương đại

Trong thế kỷ XXI, Phật giáo tiếp tục được thực hành tại nhiều quốc gia và vùng lãnh thổ. Những ước tính về số lượng Phật tử trên thế giới có thể khác nhau tùy thuộc vào phương pháp thống kê, đặc biệt tại các quốc gia có truyền thống dung hợp tôn giáo.

Một số nghiên cứu ước tính Phật tử chiếm khoảng 6-8% dân số thế giới, với phần lớn cộng đồng sinh sống tại châu Á (Yew và cộng sự, 2021, tr. 1098). Tuy nhiên, những con số này cần được tiếp nhận thận trọng vì nhiều người có thể đồng thời tham gia các truyền thống tín ngưỡng khác nhau mà không tự nhận mình thuộc duy nhất một tôn giáo.

Tại Campuchia, Myanmar, Bhutan, Thái Lan và Sri Lanka, Phật giáo có ảnh hưởng sâu rộng đối với đời sống xã hội. Trong khi đó, tại Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam và một số quốc gia Đông Á, việc thống kê gặp nhiều khó khăn do sự giao thoa giữa Phật giáo với tín ngưỡng dân gian, Nho giáo, Đạo giáo, Thần đạo và truyền thống thờ kính tổ tiên.

Tại Ấn Độ, nơi Phật giáo ra đời, số lượng tín đồ hiện nay không chiếm đa số. Tuy nhiên, các thánh tích, di sản khảo cổ và phong trào phục hưng Phật giáo vẫn giữ vị trí quan trọng trong đời sống văn hóa và tôn giáo.

Tại một số quốc gia, Phật giáo được hiến pháp hoặc pháp luật ghi nhận với vị thế đặc biệt. Campuchia xác định Phật giáo là quốc giáo; Sri Lanka dành cho Phật giáo một vị trí ưu tiên trong đời sống quốc gia. Những quy định ấy phản ánh vai trò lịch sử của Phật giáo, đồng thời cũng đặt ra yêu cầu bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và sự bình đẳng giữa các cộng đồng tôn giáo.

2. Phật giáo tại phương Tây

Phật giáo vượt ra ngoài biên giới châu Á thông qua nhiều con đường: hoạt động nghiên cứu của học giả, sự di cư của các cộng đồng châu Á, giao lưu văn hóa, phong trào tìm kiếm tâm linh và sự hiện diện của các bậc thầy Phật giáo tại châu Âu, châu Mỹ.

Từ thế kỷ XIX, các học giả phương Tây bắt đầu dịch thuật và nghiên cứu kinh điển Phật giáo. Sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai, sự quan tâm đối với Thiền, Phật giáo Tây Tạng, Theravāda và các phương pháp thiền định tăng lên rõ rệt tại Hoa Kỳ và châu Âu.

Một trong những nguyên nhân khiến nhiều người phương Tây quan tâm đến Phật giáo là giáo lý này khuyến khích sự quan sát, thể nghiệm và tự quán xét. Người học không chỉ được yêu cầu tin tưởng mà còn được hướng dẫn thực hành để trực tiếp nhận biết những chuyển biến của thân và tâm.

Các phương pháp thiền chánh niệm được ứng dụng trong tâm lý học, giáo dục, chăm sóc sức khỏe và quản trị. Tuy nhiên, khi được tách khỏi nền tảng đạo đức và mục tiêu giải thoát, chánh niệm có nguy cơ bị giản lược thành một kỹ thuật thư giãn hoặc công cụ nâng cao hiệu suất.

Phật giáo không phủ nhận giá trị của những ứng dụng thực tiễn, nhưng nhấn mạnh rằng thiền định cần đi cùng giới hạnh, trí tuệ, lòng từ bi và nhận thức đúng đắn về bản chất của khổ đau.

3. Phật giáo trong tiến trình toàn cầu hóa

Toàn cầu hóa giúp giáo lý và các phương pháp thực hành Phật giáo trở nên dễ tiếp cận hơn. Kinh điển được dịch sang nhiều ngôn ngữ; các khóa học trực tuyến, trung tâm thiền và cộng đồng Phật giáo xuyên quốc gia ngày càng phát triển.

Tuy nhiên, toàn cầu hóa cũng đặt Phật giáo trước nguy cơ thương mại hóa, giản lược hoặc trình bày sai lệch. Một số yếu tố có thể được tách khỏi toàn bộ hệ thống giáo lý để trở thành sản phẩm tiêu dùng tinh thần.

Winter (2020) nhận xét rằng một bộ phận người theo Phật giáo tại phương Tây nhìn thấy triển vọng phát triển trong việc kết hợp giáo lý phương Đông với khoa học, tâm lý học và văn hóa phương Tây. Sự đối thoại này có thể đem lại nhiều giá trị, nhưng cần được tiến hành trên tinh thần hiểu biết và tôn trọng.

Việc loại bỏ toàn bộ những nội dung không phù hợp với thị hiếu hiện đại rồi chỉ giữ lại một số kỹ thuật thực hành có thể làm Phật giáo mất đi chiều sâu triết học, đạo đức và giải thoát. Khi ấy, Phật giáo dễ bị biến thành một phương pháp tự trợ giúp hơn là một con đường chuyển hóa toàn diện.

Cần phân biệt giữa “Phật giáo toàn cầu” và “Phật giáo trong thời đại toàn cầu”. Phật giáo toàn cầu chỉ những mạng lưới, tư tưởng và hình thức thực hành vượt qua biên giới quốc gia. Trong khi đó, Phật giáo trong thời đại toàn cầu còn bao gồm các truyền thống bản địa tiếp tục tồn tại trong cộng đồng, nhiều khi không trực tiếp tham gia vào những mạng lưới quốc tế.

Hai hình thức ấy không nhất thiết đối lập. Phật giáo có thể vừa bảo tồn di sản của từng dân tộc, vừa góp phần vào cuộc đối thoại chung của nhân loại.

4. Bảo tồn truyền thống và nhu cầu thích nghi

Sức sống của Phật giáo phụ thuộc vào khả năng đáp ứng những vấn đề của con người hiện đại mà không đánh mất mục tiêu căn bản của giáo pháp.

Bảo tồn truyền thống không có nghĩa là đóng kín trước mọi thay đổi. Ngược lại, một truyền thống sống động cần biết giải thích giáo lý bằng ngôn ngữ phù hợp, ứng dụng trí tuệ Phật giáo vào giáo dục, đạo đức môi trường, hòa giải xã hội, chăm sóc tinh thần và xây dựng cộng đồng.

Thích nghi cũng không có nghĩa là tùy tiện thay đổi những nguyên lý cốt lõi. Từ bi không thể bị thay thế bằng thù hận; bất hại không thể bị biến thành bạo lực; trí tuệ không thể bị thay bằng cuồng tín; tự do quán xét không thể bị thay bằng sự phục tùng mù quáng.

Ranh giới giữa chính thống và phi chính thống trong Phật giáo có thể không được tổ chức theo một cơ chế tập quyền duy nhất, nhưng điều đó không có nghĩa mọi cách giải thích đều phù hợp với giáo pháp. Một cách diễn giải kích động hận thù, kỳ thị hoặc bạo lực rõ ràng đi ngược lại tinh thần căn bản của đức Phật.

VII. Phật giáo với đối thoại liên tôn và việc ngăn ngừa chủ nghĩa cực đoan

1. Con đường đạo đức phổ quát

Một trong những phương thức góp phần giải quyết các vấn đề trong cuộc đối thoại giữa các tôn giáo, nền văn hóa và nền văn minh là xây dựng một nền đạo đức phổ quát dựa trên phẩm giá con người, trách nhiệm, lòng từ bi và sự tôn trọng sự sống.

Mô hình ứng xử của Phật giáo trước toàn cầu hóa có thể đem lại những gợi ý quan trọng. Tinh thần Trung đạo giúp con người tránh hai thái cực: một bên là khép kín trong chủ nghĩa truyền thống cứng nhắc; bên kia là hòa tan mọi bản sắc trong một nền văn hóa tiêu dùng đồng nhất.

Thông qua giáo lý duyên khởi, con người nhận ra rằng không một cá nhân, cộng đồng hay quốc gia nào có thể tồn tại biệt lập. Sự an ổn của mỗi người liên hệ mật thiết với sự an ổn của người khác; sự tổn hại đối với thiên nhiên cuối cùng cũng quay trở lại gây tổn hại cho chính nhân loại.

Trí tuệ ấy có thể góp phần xây dựng một thế giới liên kết mà không hy sinh sự đa dạng văn hóa, tôn giáo và dân tộc (Ardhana & Wijaya, 2017).

2. Đối thoại và chung sống giữa các tôn giáo

Phật giáo và các tôn giáo khác hoàn toàn có thể cùng tồn tại trong một xã hội trên nền tảng tôn trọng lẫn nhau. Đối thoại liên tôn không đòi hỏi mỗi truyền

thống phải từ bỏ căn tính của mình, mà khuyến khích các bên cùng nhận diện những giá trị chung như lòng nhân ái, công bằng, hòa bình, trung thực và trách nhiệm.

Sự gặp gỡ giữa Phật giáo và Kitô giáo, Hồi giáo, Ấn Độ giáo, Do Thái giáo cùng các truyền thống bản địa có thể mở ra nhiều cơ hội hợp tác trong cứu trợ nhân đạo, bảo vệ môi trường, giáo dục đạo đức và hòa giải xung đột.

Tuy nhiên, đối thoại không đồng nghĩa với việc tạo nên một tôn giáo hỗn hợp bằng cách ghép nối tùy tiện những thành tố của nhiều giáo lý. Một sự hòa trộn thiếu nền tảng có thể khiến các truyền thống đánh mất chiều sâu và bản sắc riêng.

Với lịch sử lâu dài, hệ thống kinh điển phong phú và cộng đồng tín đồ rộng lớn, Phật giáo không thể bị giản lược thành một tập hợp những kỹ thuật thiền định hoặc quan niệm sống rời rạc. Hội nhập chỉ có ý nghĩa khi được thực hiện trên nền tảng hiểu biết, tôn trọng và trung thực với truyền thống.

3. Bảo vệ những giá trị cốt lõi của giáo pháp

Những biểu hiện được gọi là “Phật giáo cực đoan”, nếu kích động hận thù, kỳ thị hoặc bạo lực, không thể đại diện cho bản chất giáo pháp của đức Phật.

Tinh thần phê phán và tự quán xét là một trong những nguồn sinh lực quan trọng của Phật giáo. Trong lịch sử, các cuộc tranh luận về triết học, giới luật và phương pháp tu tập đã góp phần làm phong phú truyền thống. Những bất đồng cần được giải quyết bằng đối thoại, lý luận, thực chứng và lòng tôn trọng, thay vì bằng cưỡng bức hay bạo lực (Van, 2019).

Khoan dung không có nghĩa là thờ ơ trước sai trái. Người Phật tử vẫn có trách nhiệm lên tiếng trước bất công và bảo vệ người yếu thế. Tuy nhiên, sự phản đối cần được đặt trên nền tảng từ bi, bất bạo động và ý thức không biến đối phương thành đối tượng của thù hận.

Để ngăn ngừa xung đột liên tôn và chủ nghĩa cực đoan, Phật giáo cần thường xuyên trở về với những giá trị căn bản: không sát hại, không nuôi dưỡng sân hận, tôn trọng sự thật, thực hành chánh ngữ và nhận thức tính tương quan giữa mọi sự sống.

Nếu xa rời những nguyên lý ấy, tôn giáo có thể bị biến thành một hệ thống cứng nhắc, đặt căn tính tập thể cao hơn lòng từ bi và dùng niềm tin để chia rẽ thay vì chữa lành.

4. Trách nhiệm của Phật giáo trước các xung đột thời đại

Để tránh sự xuyên tạc giáo pháp dưới ảnh hưởng của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, phản văn hóa hoặc những xung đột địa chính trị, các cộng đồng Phật giáo cần giữ sự độc lập tương đối trước những toan tính quyền lực.

Điều này không có nghĩa Phật giáo phải hoàn toàn trung lập trước đau khổ và bất công. Trái lại, Phật giáo có thể tích cực nhập thế, nhưng sự nhập thế ấy cần được soi sáng bởi chánh kiến, lòng từ bi và tinh thần bất bạo động.

Khi các nhà lãnh đạo tôn giáo bị lôi kéo vào tranh chấp chính trị hoặc sắc tộc, uy tín của tôn giáo có thể bị sử dụng để huy động đám đông và hợp thức hóa đối kháng. Trong hoàn cảnh ấy, những nguyên lý hài hòa, cân bằng và bất hại dễ bị suy giảm.

Xã hội cần tôn trọng quyền tự do tôn giáo, đồng thời không nên xem bất kỳ lời kêu gọi hận thù hay bạo lực nào là tiếng nói chính đáng của một truyền thống tâm linh. Mọi cách diễn giải tôn giáo nhằm phủ nhận phẩm giá con người, kích động giết hại hoặc tuyệt đối hóa quyền lực đều cần được nhận diện như một sự cực đoan hóa.

Việc bảo tồn nền tảng Phật giáo vì vậy phải được thực hiện song song với việc bảo vệ các giá trị từ bi, trí tuệ, hòa bình và trách nhiệm xã hội trước những bất đồng chính trị, văn hóa và tôn giáo của thời đại.

Kết luận

Trải qua hơn hai thiên niên kỷ, Phật giáo đã để lại dấu ấn sâu đậm trong văn hóa và tư tưởng nhân loại. Khởi nguồn từ hành trình tìm cầu chân lý của Đức Phật Thích-ca Mâu-ni, giáo pháp đã vượt khỏi biên giới Ấn Độ, lan tỏa đến nhiều khu vực và hòa nhập vào đời sống của các dân tộc có lịch sử, ngôn ngữ cùng truyền thống văn hóa khác biệt.

Ảnh hưởng của Phật giáo không chỉ giới hạn trong lĩnh vực tín ngưỡng. Những tư tưởng về duyên khởi, vô thường, nghiệp, từ bi, trí tuệ và con đường chuyển hóa nội tâm đã góp phần làm phong phú triết học, đạo đức học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, giáo dục và đời sống tinh thần của nhiều nền văn minh.

Trong quá trình truyền bá, Phật giáo không ngừng thích nghi với những hoàn cảnh xã hội mới. Sự thích nghi ấy tạo nên nhiều truyền thống và phương pháp thực hành đa dạng. Tuy nhiên, sức sống chân thật của Phật giáo không nằm ở hình thức bên ngoài, mà ở khả năng giúp con người nhận diện khổ đau, chuyển

hóa tham, sân, si và xây dựng đời sống tinh thức.

Dưới tác động của toàn cầu hóa, ranh giới văn hóa và tôn giáo ngày càng mở rộng. Phật giáo có thêm nhiều cơ hội đối thoại với khoa học, tâm lý học và các truyền thống tư tưởng khác. Đồng thời, Phật giáo cũng đứng trước nguy cơ bị thương mại hóa, giản lược hoặc sử dụng như một công cụ phục vụ những lợi ích xa rời mục tiêu giải thoát.

Vì vậy, nhiệm vụ quan trọng của Phật giáo trong thời đại ngày nay là vừa bảo tồn những giá trị cốt lõi, vừa tìm kiếm ngôn ngữ và phương thức thực hành phù hợp với con người hiện đại. Bảo tồn mà không khép kín, hội nhập mà không hòa tan, nhập thế mà không bị cuốn vào thù hận, đó chính là biểu hiện của tinh thần Trung đạo.

Phật giáo không thể bị đồng nhất với bạo lực, cuồng tín hay chủ nghĩa cực đoan, bởi những hiện tượng ấy đi ngược lại giáo pháp từ bi và bất hại. Tuy nhiên, để giữ gìn bản chất ấy, cộng đồng Phật giáo cần không ngừng tự quán xét, tránh để tôn giáo bị chi phối bởi quyền lực, thành kiến và chủ nghĩa dân tộc cực đoan.

Trong một thế giới đầy bất an, giáo lý đức Phật tiếp tục nhắc nhở nhân loại rằng hòa bình bên ngoài không thể được xây dựng bền vững nếu thiếu sự chuyển hóa từ bên trong. Khi con người biết soi sáng vô minh bằng trí tuệ, hóa giải thù hận bằng lòng từ bi và vượt qua ích kỷ bằng ý thức tương liên, những hạt giống hòa bình mới có thể bén rễ trong gia đình, xã hội và cộng đồng nhân loại.

Dấu ấn lớn lao nhất của Phật giáo vì thế không chỉ nằm trong những ngôi chùa cổ kính, những pho tượng trang nghiêm hay các bộ kinh điển đồ sộ. Dấu ấn ấy hiện diện trong từng nỗ lực làm lắng dịu khổ đau, từng hành động bảo vệ sự sống, từng lời nói đem lại hòa hợp và từng tâm hồn biết quay về với sự tỉnh thức.

Đó cũng chính là giá trị trường tồn mà Phật giáo đã, đang và sẽ tiếp tục đóng góp cho văn hóa, tư tưởng và tương lai của nhân loại.

Tác giả: **Jennifer**/Viết dịch: **Thích Vân Phong**

Nguồn: 佛學數位圖書館

Tài liệu tham khảo:

1] Ardhana, I. K., & Wijaya, I. N. (2017). Ảnh hưởng của Ấn Độ đối với văn hóa Bali: Vai trò của Ấn Độ giáo và Phật giáo tại Bali ngày nay. *International Research Journal of Management, IT and Social Sciences*, 4(1), 88-105. Bản điện

tử.

2] Batchelor, S. (2017). Phật giáo thế tục: Hình dung về Chánh pháp trong một thế giới bất định. Nhà xuất bản Đại học Yale.

3] McGovern, N. (2018). Tầng lớp Bà-la-môn vào thời điểm chuyển giao Tây lịch: Xem xét lại niên đại, động cơ và những ảnh hưởng từ bên ngoài. *International Journal of Hindu Studies*, 22(3), 517-521. Bản điện tử.

4] Paul, S. (2020). Tinh yếu của nghiệp và tái sinh trong Bhagavad Gītā qua sự đối chiếu với Phật giáo và Kỳ-na giáo. *TLH Journal*, 6(2), 213-216.

5] Roy, S., & Narula, S. (2017). Những cách nhìn khác về lý thuyết truyền thông: Một khảo sát từ các khuynh hướng tư tưởng Phật giáo. *Journal of Mass Communication and Journalism*, 7(6), 354. Bản điện tử.

6] Shulman, E. (2017). Những bài kinh thời kỳ đầu của đức Phật dưới góc độ văn học: Đặc điểm tự sự trong Trường bộ kinh. *The Journal of Religion*, 97(3), 360-387. Bản điện tử.

7] Van, V. H. (2019). Nghiên cứu so sánh Phật giáo tại Ấn Độ, Trung Quốc và Việt Nam cùng tinh thần bản địa hóa trong Phật giáo Việt Nam. *International Journal of Recent Scientific Research*, 10(6), 1-7. Bản điện tử.

8] Winter, T. (2020). Ngoại giao Con đường Tơ lụa: Địa chính trị và lịch sử của sự kết nối. *International Journal of Cultural Policy*, 26(7), 898-912. Bản điện tử.

9] Wu, K.-M. (2017). Phật giáo, Kitô giáo và thực tại. *Open Journal of Philosophy*, 7(02), 168-185. Bản điện tử.

10] Yew, W. C., Awang, A. H., Selvadurai, S., Noor, M. M., & Chang, P. K. (2021). Nghiên cứu so sánh Hồi giáo và Phật giáo từ góc nhìn xã hội đa văn hóa. *Religions*, 12, 1098. Bản điện tử.